

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐIỆN BÀN
TỈNH QUẢNG NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST.

Ngày: 08-01-2020

V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐIỆN BÀN, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Lan

2. Ông Nguyễn Văn Tươi

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Ánh Nguyệt

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Điện Bàn tham gia phiên tòa:
bà Đnh Thị Thu Hòa - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2020, tại Hội trường Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2018/TLST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2018 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2019/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2019 giữa các đương sự:

a/ Nguyên đơn: Ông Đặng Ái T – Sinh năm: 1942 (có mặt)

Địa chỉ: Khối 4, phường V, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

b/ Bị đơn: Ông Đặng Đức T1 – Sinh năm: 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Khối Q1, phường ĐT, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

c/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Đặng Thị M – Sinh năm: 1954 (có mặt)

Địa chỉ: Số 116 B, phường P, quận Sơn Trà, thành phố Đà Nẵng.

Bà Đặng Thị L – Sinh năm: 1955 (có mặt)

Địa chỉ: Khối T, phường Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Bà Đặng Thị V – Sinh năm: 1957 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khối 3, phường V, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Bà Đặng Thị X – Sinh năm: 1989 (có mặt)

Địa chỉ: khối 4, phường V, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Bà Võ Thị P – Sinh năm: 1957 (có mặt)

Địa chỉ: Khối Q1, phường ĐT, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Ông Đặng Ái P1 – Sinh năm: 1953 (có mặt)

Ông Đặng Ái C – sinh năm: 1988 (có mặt)

Ông Đặng N – Sinh năm: 1953 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khối V, phường Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Bà Đặng Thị L – Sinh năm: 1976 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khối H, phường Đ, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam.

Ông Đặng Ái P1 ủy quyền cho ông Trần Công M tham gia tố tụng (văn bản ủy quyền ngày 26/12/2019) (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 16/8/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn, ông Đặng Ái T trình bày:

Cha mẹ ông là Đặng T2 (còn gọi là L) (sinh năm 1918, chết năm 2002) và bà Trương Thị T3 (tên thường gọi là Trương Thị T3) (sinh năm 1920, chết năm 2003). Cha mẹ ông có 08 người con gồm: Đặng Ái T, sinh năm 1942; Đặng L1, sinh năm 1944, chết còn nhỏ, không có vợ con; Đặng T4, sinh năm: 1946, chết khi nhỏ, không có vợ con; Đặng Thị M (Chắt), sinh năm: 1954; Đặng Thị L, sinh năm: 1955; Đặng Ái P1, sinh năm: 1956; Đặng Quyết T, sinh năm: 1958, chết năm 2012; có vợ tên Võ Thị P, sinh năm 1957 và 02 con tên Đặng Thị X; sinh năm: 1989 và Đặng Đức T1, sinh năm: 1993; Đặng Thị V, sinh năm: 1957.

Nguyên thừa đất số 102, tờ bản đồ số 7 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 127, tờ bản đồ số 7) ở khối V, phường Đ N có diện tích 849,3m² là do cha mẹ ông khai hoang đất và tạo dựng 01 ngôi nhà cấp 4 sinh sống vào sau giải phóng (1975). Thời điểm đó, ông T đi bộ đội không có ở nhà, bà Đặng Thị M và bà Đặng Thị L có chồng và sống tại nhà chồng. Ông Đặng Ái P1, ông Đặng Quyết T và bà V chưa có gia đình nên vẫn sống với cha mẹ. Quá trình cha mẹ khai hoang, các ông P1, ông T và bà V có góp công sức hay không thì ông không rõ.

Quá trình sử dụng, cha mẹ ông đã kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật và được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K995819 ngày 09/5/1998 đối với các thửa đất số 127, tờ bản đồ số 7, diện tích: 990m²; mục đích đất ở + đất vườn; thửa đất số 222/8, tờ bản đồ số 6 có diện tích 477m²; mục đích sử dụng: đất màu; thời hạn sử dụng đến tháng 7/2017; thửa đất số 271, tờ bản đồ số 7 có diện tích 760m²; mục đích sử dụng: lúa; thời hạn sử

dụng đến tháng 7/2017; thửa đất số 368/36, tờ bản đồ số 7 có diện tích 243m²; mục đích sử dụng: đất màu; thời hạn sử dụng đến tháng 7/2017; thửa đất số 368/39, tờ bản đồ số 7 có diện tích 51m²; mục đích sử dụng: đất màu; thời hạn sử dụng đến tháng 7/2017; thửa đất số 591, tờ bản đồ số 7 có diện tích 324m²; mục đích sử dụng: lúa; thời hạn sử dụng đến tháng 7/2017; thửa đất số 169/55, tờ bản đồ số 7 có diện tích 162m²; mục đích sử dụng: đất màu; thời hạn sử dụng đến tháng 7/2017; thửa đất số 169/68, tờ bản đồ số 7 có diện tích 144m²; mục đích sử dụng: đất màu; thời hạn sử dụng đến tháng 7/2017.

Đến ngày 02/5/2012, UBND huyện Điện Bàn ban hành Quyết định số 1758/QĐ-UBND về việc thu hồi diện tích 202,7m² loại đất ở + đất vườn tại thửa 127, tờ bản đồ số 7 và một số thửa đất màu. Vì vậy, UBND huyện Điện Bàn và gia đình ông mới phát hiện UBND huyện Điện Bàn có sự nhầm lẫn trong quá trình cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giữa hộ Đặng T2 và hộ Đặng Ái P1. Do đó, UBND thị xã Điện Bàn đã ban hành Quyết định số 16931/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 về việc đính chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ Đặng T2. Cụ thể điều chỉnh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 7, diện tích: 990m²; mục đích đất ở + đất vườn; thửa đất số 222/8, tờ bản đồ số 6 có diện tích 477m²; mục đích sử dụng: đất màu; thời hạn sử dụng đến tháng 7/2017; thửa đất số 271, tờ bản đồ số 7 có diện tích 760m²; mục đích sử dụng: lúa; thời hạn sử dụng đến tháng 7/2017; thửa đất số 368/36, tờ bản đồ số 7 có diện tích 243m²; mục đích sử dụng: đất màu; thời hạn sử dụng đến tháng 7/2017; thửa đất số 368/39, tờ bản đồ số 7 có diện tích 51m²; mục đích sử dụng: đất màu; thời hạn sử dụng đến tháng 7/2017; thửa đất số 591, tờ bản đồ số 7 có diện tích 324m²; mục đích sử dụng: lúa; thời hạn sử dụng đến tháng 7/2017; thửa đất số 169/55, tờ bản đồ số 7 có diện tích 162m²; mục đích sử dụng: đất màu; thời hạn sử dụng đến tháng 7/2017; thửa đất số 169/68, tờ bản đồ số 7 có diện tích 144m²; mục đích sử dụng: đất màu; thời hạn sử dụng đến tháng 7/2017 **thành** thửa đất số 102, tờ bản đồ số 7, diện tích 849,3m², mục đích sử dụng: đất ở + đất vườn; thửa đất số 222/8, tờ bản đồ số 6 có diện tích 477m²; mục đích sử dụng: đất màu; thời hạn sử dụng đến tháng 7/2017; thửa đất số 271, tờ bản đồ số 7 có diện tích 760m²; mục đích sử dụng: lúa; thời hạn sử dụng đến tháng 7/2017; thửa đất số 368/36, tờ bản đồ số 7 có diện tích 243m²; mục đích sử dụng: đất màu; thời hạn sử dụng đến tháng 7/2017; thửa đất số 368/39, tờ bản đồ số 7 có diện tích 51m²; mục đích sử dụng: đất màu; thời hạn sử dụng đến tháng 7/2017; thửa đất số 591, tờ bản đồ số 7 có diện tích 324m²; mục đích sử dụng: lúa; thời hạn sử dụng đến tháng 7/2017; thửa đất số 169/55, tờ bản đồ số 7 có diện tích 162m²; mục đích sử dụng: đất màu; thời hạn sử dụng đến tháng 7/2017; thửa đất số 169/68, tờ bản đồ số 7 có diện tích 144m²; mục đích sử dụng: đất màu; thời hạn sử dụng đến tháng 7/2017 (địa điểm các thửa đất: khối V, phường Đ N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam). Đồng thời, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Điện Bàn có Thông báo số 12/TB-CNVPĐK ngày 10/11/2017 về việc thông báo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ Đặng T2 số K995819 do UBND huyện Điện Bàn cấp ngày 09/5/1998 không còn

giá trị pháp lý.

Sau khi cha mẹ khai hoang khoảng vài năm, ông Đặng Ái P1 có vợ và khai hoang một mảnh đất gần nhà cha mẹ ông để sinh sống riêng. Đến năm 1982, bà V có chồng và xin đất, được Nhà nước cấp đất tại V sinh sống. Riêng Đặng Quyết T có vợ và sống chung với cha mẹ tại thửa đất nói trên. Đến khoảng năm 1985, ông T được Nhà nước hỗ trợ, đồng thời các anh em cũng góp chung vào để làm cho ông T một ngôi nhà tình nghĩa bên cạnh ngôi nhà của cha mẹ (nằm trong khuôn viên đất của cha mẹ ông). Ngôi nhà cũ của cha mẹ ông đã xuống cấp, hư hỏng nên không thể ở được, hiện nay không còn giá trị sử dụng.

Đối với các thửa đất nông nghiệp thì cha mẹ ông được HTX 3 Đ N chia, giao đất nông nghiệp để sản xuất vào năm nào ông không rõ. Ông được biết thì Nhà nước giao đất nông nghiệp cho cha mẹ ông. Thời điểm giao đất nông nghiệp, chỉ có gia đình Đặng Quyết T gồm ông T và con gái là Đặng Thị X ở chung với cha mẹ. Bà Đ sống chung với ông T khoảng 1 năm không đăng ký kết hôn, sau khi sinh cháu X thì bà Đ bỏ đi khỏi địa phương.

Đối với các thửa đất màu của cha mẹ ông thì một số thửa (ông không rõ thửa nào) đã bị Nhà nước thu hồi để thực hiện Dự án Nạo vét, khơi thông sông Cò đoạn qua phường Đ N và được lập phương án chi tiết và bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng với số tiền 300.101.760đ (ba trăm triệu, một trăm linh một nghìn, bảy trăm sáu mươi đồng) nhưng do anh em có tranh chấp nên đề nghị Trung tâm phát triển quỹ đất giữ lại, chưa chi.

Cha mẹ ông sống tại ngôi nhà của cha mẹ trên thửa đất tranh chấp từ khi khai hoang đến khi mất, còn Đặng Quyết T sống ở ngôi nhà bên cạnh của ông T cho đến khi mất. Sau khi Đặng Quyết T mất, con trai Thắng là Đặng Đức T1 là người quản lý, sử dụng ngôi nhà của Đặng Quyết T trên đất của cha mẹ và quản lý toàn bộ khuôn viên thửa đất 102. Hiện tại trên phần đất tranh chấp có 01 ngôi nhà tình nghĩa của ông Đặng Quyết T và một số cây cối của cha mẹ ông để lại. Ông hoàn toàn thống nhất với kết quả đo đạc và định tài sản tranh chấp của Hội đồng định giá tài sản.

Nay ông Đặng Ái T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế do ông Đặng T2 và bà Trương Thị T3 để lại gồm: thửa đất số 102, tờ bản đồ số 7, diện tích 787,3m² (kết quả qua đo đạc), mục đích sử dụng đất ở + đất vườn tại khối V, phường Đ N và số tiền 300.101.760đ (hiện Trung tâm phát triển quỹ đất Điện Bàn đang tạm giữ)

Tại phiên tòa, ông T rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 7.234.560đ do đây là tiền đền bù đối với hoa màu, không phải là di sản cha mẹ để lại nên ông không yêu cầu chia.

Ngoài ra ông T không có yêu cầu nào khác.

Tại bản tự khai ngày 10/01/2019 và những lời khai tiếp theo, bị đơn ông Đặng Đức T1 trình bày:

Ông là con của ông Đặng Quyết T; sinh năm: 1958, mất năm 2012 và bà Võ Thị P. Trước khi cưới mẹ ông, cha ông có chung sống với bà Lê Thị Di và sinh ra chị Đặng Thị X, sinh năm 1989. Ngoài ra, cha ông không có con riêng, con nuôi nào khác.

Về nguồn gốc thửa đất số 102, tờ bản đồ số 7, có diện tích 849,3m² ở khối V, phường Đ N thì ông không rõ, chỉ biết đây là tài sản do ông bà nội là ông Đặng T2 và bà Trương Thị T3 để lại. Trên phần đất này có 01 ngôi nhà cấp 4 do cha ông xây dựng khi còn sống.

Đối với các thửa đất nông nghiệp được cấp cho hộ ông Đặng T2 thì ông không rõ thửa nào. Ông không có ý kiến gì về kết quả đo đạc và kết quả định giá tài sản.

Hiện nay ông Đặng T2 khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế gồm: thửa đất số 102, tờ bản đồ số 7, diện tích 787,3m² (kết quả qua đo đạc), mục đích sử dụng đất ở + đất vườn tại khối V, phường Đ N và số tiền 292.867.200đ là tiền đền bù đất nông nghiệp hiện đang được giữ tại Trung tâm khai thác quỹ đất Điện Bàn thì ông đồng ý. Đối với phần mà cha ông được chia kỹ phần, ông đề nghị chia kỹ phần của cha ông có phần ngôi nhà do cha ông xây dựng khi còn sống. Nếu ông được nhận một phần từ kỹ phần cha ông được hưởng thì ông đề nghị được nhận hết phần đất mà ông T được hưởng (do ông là con trai duy nhất nên muốn nhận để thờ phụng cha) và ông có trách nhiệm bồi trả giá trị chênh lệch cho mẹ ông và chị ông là Đặng Thị X là những người đồng thừa kế từ kỹ phần của cha ông.

Ngoài ra, ông T1 không trình bày gì thêm.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/01/2019 và những lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Đặng Thị M, bà Đặng Thị L trình bày:

Các bà hoàn toàn thống nhất ý kiến của ông T về nguồn gốc thửa đất, quan hệ huyết thống của gia đình bà và quá trình sử dụng di sản thừa kế. Các bà không có ý kiến gì kết quả đo đạc và kết quả định giá tài sản tranh chấp. Bà xác định di sản thừa kế do cha mẹ bà để lại gồm: thửa đất số 102, tờ bản đồ số 7, diện tích 787,3m² (kết quả qua đo đạc), mục đích sử dụng đất ở + đất vườn tại khối V, phường Đ N và số tiền 292.867.200đ. Bà đề nghị chia theo quy định của pháp luật. Nếu bà M, bà L được nhận một kỹ phần do cha mẹ bà để lại thì bà yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Bà M và bà L đề nghị chia phần đất của cha mẹ thành 6 phần, mỗi người con trai nhận một phần, ba người con gái nhận hai phần, phần còn lại cho ông Đặng Ái C đứng tên để lo cho ông bà.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/01/2019 và những lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Đặng Thị V trình bày:

Bà hoàn toàn thống nhất ý kiến của ông T về nguồn gốc thửa đất, quan hệ huyết thống của gia đình bà và quá trình sử dụng di sản thừa kế. Các bà không có ý kiến gì kết quả đo đạc và kết quả định giá tài sản tranh chấp. Bà xác định di sản thừa kế do cha mẹ bà để lại gồm: thửa đất số 102, tờ bản đồ số 7, diện tích 787,3m² (kết quả qua đo đạc), mục đích sử dụng đất ở + đất vườn tại khối V, phường Đ N và số tiền 292.867.200đ. Bà đề nghị chia theo quy định của pháp luật. Nếu bà V được nhận một kỷ phần do cha mẹ bà để lại thì bà yêu cầu được nhận bằng hiện vật. Bà V đề nghị chia phần đất của cha mẹ thành 6 phần bằng nhau, mỗi người được nhận một phần.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 23/01/2019 và những lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Đặng Ái P1 trình bày:

Ông thống nhất lời trình bày của anh chị em về quan hệ huyết thống của ông Đặng T2, bà Trương Thị T3 với ông và những anh chị em khác. Ông không có ý kiến gì kết quả đo đạc và kết quả định giá tài sản tranh chấp. Nay ông T khởi kiện chia di sản thừa kế cha mẹ ông để lại gồm: thửa đất số 102, tờ bản đồ số 7, diện tích 787,3m² (kết quả qua đo đạc), mục đích sử dụng đất ở + đất vườn tại khối V, phường Đ N và số tiền 292.867.200đ thì ông đồng ý chia. Ông đề nghị chia theo biên bản họp gia đình ngày 03/11/2003. Nếu phải chia theo pháp luật, ông yêu cầu được nhận phần đất tại vị trí trước đây đã chia cho ông theo biên bản thỏa thuận vào năm 2003.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 25/01/2019 và những lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Võ Thị P trình bày:

Bà là vợ của ông Đặng Quyết T. Ông T và bà có 01 con chung là Đặng Đức T1. Ngoài ra, ông T có 01 con riêng là Đặng Thị X và không có con nuôi nào khác. Ông T mất năm 2012, về nguồn gốc thửa đất 102, tờ bản đồ số 7 thì bà không rõ. Bà không có ý kiến gì kết quả đo đạc và kết quả định giá tài sản tranh chấp. Nếu bà được nhận một phần từ kỷ phần ông T được hưởng thì bà đề nghị được nhận và cho lại phần mà bà được nhận cho con trai là Đặng Đức T1.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 10/01/2019 và những lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Đặng Thị X trình bày:

Bà hoàn toàn thống nhất về quan hệ huyết thống đối với ông T. Bà Võ Thị P về làm vợ ông T vào năm 1993, bà không rõ bà Võ Thị P và cha bà có đăng ký kết hôn hay không. Nếu bà Võ Thị P được nhận một phần từ kỷ phần cha bà được hưởng thì bà không có ý kiến gì. Bà không có ý kiến gì kết quả đo đạc và kết quả định giá tài sản tranh chấp. Nếu bà được nhận một phần từ kỷ phần cha bà được hưởng thì bà đề nghị được nhận và cho lại em trai là ông Đặng Đức T1 quản lý, sử dụng.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/3/2019 và những lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Đặng Ái C trình bày:

Vào năm 2003, các người con của ông nội ông đã họp và thống nhất chia di sản thừa kế. Trong đó các cô Vân, Lót và cô Mười đã thống nhất trích lại một lô cho ông đứng tên một thửa đất và ông có trách nhiệm lo hương khói cho ông bà. Thực tế gia đình đã làm thủ tục tách thửa cho từng người nhưng chưa làm thủ tục chuyển lên Văn phòng đăng ký đất đai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho từng người. Đồng thời, ông là người trực tiếp đóng thuế quyền sử dụng đất cho thửa của ông và tất cả mọi người đối với các thửa đất nói trên cho Nhà nước. Hiện nay, ông vẫn còn giữ biên lai thu thuế đối với các thửa đất này. Ông không có ý kiến gì kết quả đo đạc và kết quả định giá tài sản tranh chấp.

Nay ông T khởi kiện chia di sản thừa kế của ông T2, bà T3 để lại gồm: thửa đất số 102, tờ bản đồ số 7, diện tích 787,3m² (kết quả qua đo đạc), mục đích sử dụng đất ở + đất vườn tại khối V, phường Đ N và số tiền 292.867.200đ thì ông yêu cầu Tòa án giải quyết theo hướng thỏa thuận của các anh chị em gồm ông T, ông P1, ông T, bà M, bà L và bà V vào ngày 03/11/2003. Theo đó, chia phần đất ở của ông bà nội ông làm 6 phần bằng nhau, chia cho ông T, ông P1 và ông T (những người thừa kế được hưởng) mỗi người một phần. Bà M, bà L và bà V được chia 2 phần cho ba người. Phần còn lại chia cho ông để ông có trách nhiệm thờ phụng ông bà. Ông chưa có yêu cầu đối với số tiền mà ông đã đóng từ năm 2003 đến nay đối với thửa đất mà ông T bà T3 để lại. Đối với số tiền 292.867.200đ không liên quan đến quyền lợi của ông nhưng ông vẫn đề nghị giải quyết theo biên bản họp gia đình ngày 03/11/2003. Đây là số tiền đền bù đối với đất nông nghiệp nên đề nghị phải xét đến công sức đóng góp của người có công khai hoang và trả tiền cho người làm hoa màu trên đất đó.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/3/2019 và những lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, ông Đặng N trình bày:

Cách đây khoảng 20 năm, ông Đặng Quyết T có cho ông Đặng N sử dụng thửa đất lúa có diện tích 324m² ở khối V để làm lúa. Ông N đã trả tiền trước một lần cho ông T với số tiền 120.000đ. Ngoài ra, ông N không trả thêm bất cứ khoản tiền nào khác. Ông N đã sử dụng thửa đất này để trồng lúa từ đó cho đến năm 2017 thì UBND thị xã Điện Bàn có Quyết định thu hồi đối với thửa đất này. Khi kiểm kê để thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng thì có phần lúa mà ông N canh tác trên đó nhưng ông N không biết được bồi thường số tiền bao nhiêu và ông cũng chưa được nhận số tiền này.

Nay ông Đặng Ái T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế do cha mẹ ông là ông Đặng T2 và bà Trương Thị T3 để lại, trong đó có số tiền đền bù hoa màu là lúa mà ông canh tác sau khi giải phóng mặt bằng thửa đất số 226, tờ bản đồ số 3 thì ông N không đồng ý vì số tiền này không phải là di sản thừa kế do ông T bà T3 để lại. Ông N đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

- Tại Biên bản lấy lời khai ngày 19/3/2019 và những lời khai tiếp theo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Đặng Thị L trình bày:

Trước đây, ông Đặng Ái P1 (con trai ông T2, bà T3) có cho bà Đặng Thị L sử dụng thửa đất lúa có diện tích 763,2m² ở khối V để làm lúa. Bà L trả phí thủy lợi và các khoản phí khác liên quan đến việc canh tác. Ngoài ra, bà L không trả thêm bất cứ khoản tiền nào cho ông P1 cũng như gia đình ông nội Thương. Bà L đã sử dụng thửa đất này để trồng lúa từ đó cho đến năm 2017 thì UBND thị xã Điện Bàn có Quyết định thu hồi đối với thửa đất này. Khi kiểm kê để thực hiện đền bù, giải phóng mặt bằng thì có phần lúa mà bà L canh tác trên đó nhưng bà L không biết được bồi thường số tiền bao nhiêu và bà cũng chưa được nhận số tiền này.

Nay ông Đặng Ái T khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế do cha mẹ ông là ông Đặng T2 và bà Trương Thị T3 để lại, trong đó có số tiền đền bù hoa màu là lúa mà tôi canh tác sau khi giải phóng mặt bằng thửa đất số 34, tờ bản đồ số 3 thì bà L không đồng ý vì số tiền này không phải là di sản thừa kế do ông T bà T3 để lại. Bà L đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND thị xã Điện Bàn phát biểu quan điểm giải quyết vụ án.

Quá trình Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng quy định của BLTTDS. Các đương sự chấp hành tốt quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án Viện kiểm sát cho rằng: Tại phiên tòa, các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án nên đề nghị công nhận sự thỏa thuận của các đương sự: xác định di sản thừa kế của ông Đặng T2 và bà Trương Thị T3 để lại gồm: quyền sử dụng đất tại thửa 102, tờ bản đồ số 7, diện tích 787,3m², mục đích sử dụng đất ở + đất vườn ở khối V, phường Đ N có giá trị theo định giá là 4.423.000.000đ và số tiền 292.867.200đ hiện Trung tâm phát triển quỹ đất tạm giữ và chia di sản thừa kế do ông Đặng T2 và bà Trương Thị T3 thành 06 phần bằng nhau cho các đồng thừa kế được nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài L có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án Tranh chấp về thừa kế tài sản giữa nguyên đơn ông Đặng Ái T và bị đơn ông Đặng Đức T1. Bất động sản đang tranh chấp tại khối V, phường Đ N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Điện Bàn theo quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Về thời hiệu: theo quy định tại Khoản 1 Điều 623 BLDS 2015 thì thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế là 30 năm đối với bất động sản, 10 năm đối với động sản kể từ thời điểm mở thừa kế. Ông Đặng T2 chết năm 2002, bà Trương Thị T3

chết năm 2003. Ngày 19/12/2018, ông Đặng Ái T yêu cầu chia di sản thừa kế của ông T và bà T3 gồm: quyền sử dụng đất tại thửa đất số 102, tờ bản đồ số 7, diện tích 787,3m² (kết quả qua đo đạc), mục đích sử dụng đất ở + đất vườn ở khối V, phường Đ N. Đối với số tiền 292.867.200đ là tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với các thửa đất nông nghiệp. Thời điểm ông T2, bà T3 chết thì các thửa đất này chưa bị thu hồi nên đối tượng tranh chấp là bất động sản nên thời hiệu khởi kiện chia di sản thừa kế của ông T2, bà T3 vẫn còn.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Đặng Thị V, ông Đặng N và bà Đặng Thị L có đơn xin xử vắng mặt nên HĐXX quyết định xét xử vắng mặt những người này là đúng quy định tại Khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

Ngày 19/12/2018, ông Đặng Ái T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án yêu cầu chia di sản do ông Đặng T2 và bà Trương Thị T3 để lại gồm: thửa đất số 102, tờ bản đồ số 7 (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là thửa 127, tờ bản đồ số 7), diện tích 787,3m² (kết quả qua đo đạc), mục đích sử dụng đất ở + đất vườn tại khối V, phường Đ N và số tiền 300.101.760đ. Tại phiên tòa, ông T yêu cầu rút một phần yêu cầu khởi kiện, ông không yêu cầu Tòa án chia thừa kế đối với số tiền 7.234.560đ do đây không phải di sản của ông T2, bà T3. Những người tham gia tố tụng không ai có ý kiến gì về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, không có yêu cầu phản tố. HĐXX xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện nên HĐXX căn cứ Khoản 2 Điều 244 BLTTDS chấp nhận để đình chỉ đối với yêu cầu trên.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về di sản thừa kế của ông Đặng Ái T và bà Trương Thị T3:

[2.1.1] Đối với quyền sử dụng đất tại thửa 127, tờ bản đồ số 7 (nay là thửa số 102, tờ bản đồ số 7): Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất trên là do gia đình ông Đặng T2 khai hoang, sử dụng trước năm 1980, phù hợp với văn bản trả lời của UBND phường Đ N. Đến ngày 09/5/1998 thì hộ ông Đặng T2 được UBND huyện Điện Bàn (nay là thị xã) cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 127, tờ bản đồ số 7.

Trong quá trình sử dụng đất, UBND huyện Điện Bàn (nay là thị xã) cũng như gia đình ông T phát hiện có nhầm lẫn trong quá trình làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ Đặng T2 và hộ Đặng Ái P1 nên UBND thị xã Điện Bàn đã ban hành Quyết định số 16931/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 về việc đính chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ Đặng T2. Cụ thể điều chỉnh thửa đất số 127, tờ bản đồ số 7, diện tích: 990m²; mục đích đất ở + đất vườn **thành** thửa đất số 102, tờ bản đồ số 7, diện tích 849,3m², mục đích sử dụng: đất ở + đất vườn (địa điểm thửa đất: khối V, phường Đ N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam). Đồng thời, Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai Điện Bàn có Thông báo số 12/TB-CNVPĐK ngày 10/11/2017 về việc thông báo Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ Đặng T2 số K995819 do UBND huyện Điện Bàn cấp ngày 09/5/1998 không còn giá trị pháp lý. Việc Chi nhánh VP Đăng ký đất đai Điện Bàn thông báo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho hộ Đặng T2 không còn giá trị pháp lý chỉ nhằm mục đích điều chỉnh, làm thủ tục hành chính, còn quyền sử dụng đất của hộ Đặng T2 đối với thửa đất này vẫn được đảm bảo.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, các đương sự đều xác nhận thửa đất số 127, tờ bản đồ số 7 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa 102, tờ bản đồ số 7 theo Quyết định số 16931/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của UBND thị xã Điện Bàn) được cấp cho hộ Đặng T2 thuộc quyền sử dụng của ông Đặng T2 và bà Trương Thị T3. Do đó, quyền sử dụng thửa đất này là di sản thừa kế do ông Đặng T2 và bà Trương Thị T3 để lại. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh nên HĐXX xem xét, chấp nhận ý kiến này của các đương sự.

Qua đo đạc thực tế thì thửa đất số 127, tờ bản đồ số 7 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa 102, tờ bản đồ số 7 theo Quyết định số 16931/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của UBND thị xã Điện Bàn) có diện tích 787,3m², đủ so với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau khi trừ diện tích 202,7m² đất bị thu hồi), giảm so với Quyết định số 16931/QĐ-UBND là 62m². Các đương sự thừa nhận thửa đất được sử dụng ổn định, liên tục, không có tranh chấp về ranh giới với các hộ liền kề, hiện trạng thửa đất không thay đổi. Các đương sự trong vụ án không ai có ý kiến, khiếu nại gì về kết quả đo đạc.

Văn bản trả lời của UBND thị xã Điện Bàn (ủy quyền cho Phòng Tài nguyên Môi trường) thì diện tích thửa đất sau khi thu hồi giảm 62m², nguyên nhân giảm là do sai số trong quá trình đo đạc. Theo quy định tại Khoản 5 Điều 98 Luật đất đai, Nhà nước chỉ công nhận diện tích đất theo hiện trạng. Vì vậy, HĐXX chỉ xem xét diện tích 787,3m², (trong đó có 97,3m² đất ở và 670m² đất trồng cây lâu năm) theo hiện trạng sử dụng của hộ Đặng T2 để chia di sản thừa kế của ông T2, bà T3 để lại.

Về tài sản trên đất tranh chấp: Qua xem xét, thẩm định tại chỗ xác định trên đất tranh chấp có 01 ngôi nhà cấp 4 là tài sản do ông Đặng Quyết T xây dựng khi còn sống. Hiện nay do ông Đặng Đức T1 quản lý.

[2.1.2] Đối với số tiền 292.867.200 đồng:

Đây là khoản tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với các thửa đất nông nghiệp gồm: thửa đất số 271, tờ bản đồ số 7 có diện tích 760m²; mục đích sử dụng: lúa; thửa đất số 591, tờ bản đồ số 7 có diện tích 324m²; mục đích sử dụng: lúa; thửa đất số 169/68, tờ bản đồ số 7 có diện tích 144m²; mục đích sử dụng: đất màu, được Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn lập Phương án chi tiết bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng (số tiền này Trung tâm phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn chưa chi cho hộ Đặng T2 do có tranh chấp).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh, thu thập các tài L, chứng cứ nhưng không có cơ sở xác định tại thời điểm Nhà nước giao đất nông nghiệp cho hộ Đặng T2 sử dụng thì hộ Đặng T2 có những nhân khẩu nào.

Tại phiên tòa, các đồng thừa kế xác nhận: các thửa đất nông nghiệp gồm: thửa đất số 271, tờ bản đồ số 7 có diện tích 760m²; mục đích sử dụng: lúa; thửa đất số 591, tờ bản đồ số 7 có diện tích 324m²; mục đích sử dụng: lúa; thửa đất số 169/68, tờ bản đồ số 7 có diện tích 144m²; mục đích sử dụng: đất màu được Nhà nước cấp cho hộ Đặng T2 thuộc quyền sử dụng của ông Đặng T2 và bà Trương Thị T3. Sau khi ông T2, bà T3 chết thì các thửa đất này mới bị thu hồi nên số tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng tổng cộng là 292.867.200đ là di sản thừa kế do ông T2, bà T3 để lại. Đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh nên HĐXX xem xét, chấp nhận ý kiến này của các đương sự.

Như vậy, có cơ sở xác định di sản mà ông Đặng T2 và bà Trương Thị T3 để lại gồm 787,3m² đất (trong đó có 97,3m² đất ở và 690m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 127, tờ bản đồ số 7 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa 102, tờ bản đồ số 7 theo Quyết định số 16931/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của UBND thị xã Điện Bàn) ở khối V, phường Đ N, có giá trị theo định giá là 4.423.000.000đ. (bốn tỷ, bốn trăm hai mươi ba triệu đồng) và số tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với các thửa đất nông nghiệp là 292.867.200 đồng. Yêu cầu khởi kiện của ông T là có cơ sở nên được chấp nhận để giải quyết.

Tại phiên tòa, các đồng thừa kế thống nhất thỏa thuận và đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế do ông T2, bà T3 để lại thành 6 phần bằng nhau, mỗi đồng thừa kế sẽ được hưởng một kỷ phần. Trong đó, chia đều di sản bằng hiện vật cho các đồng thừa kế đối với quyền sử dụng đất tại thửa 127, tờ bản đồ số 7 theo Giấy chứng nhận (thửa 102, tờ bản đồ số 7 theo Quyết định 16931) và chia đều số tiền 292.867.200đ cho các đồng thừa kế. Ý kiến của các đồng thừa kế có mặt tại phiên tòa là tự nguyện, không trái với ý kiến của đồng thừa kế vắng mặt (bà V), không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật nên HĐXX căn cứ Điều 246 BLTTDS, công nhận sự thỏa thuận này của các đương sự.

[2.2] Về diện thừa kế và kỷ phần: Ông Đặng T2 và bà Trương Thị Tháp có 08 người con chung gồm: ông Đặng Ái T, bà Đặng Thị L, bà Đặng Thị M, ông Đặng L1, ông Đặng T4, ông Đặng Ái P1, ông Đặng Quyết T và bà Đặng Thị V. Ông T2, bà T3 không có con nuôi, không có con riêng. Ông Đặng L1, ông Đặng T4 chết không có người thừa kế.

Ông Đặng Quyết T chết năm 2012, những người thừa kế ở hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ là bà Võ Thị P và 02 con: Đặng Thị X và Đặng Đức T1 được hưởng thừa kế lại từ kỷ phần của ông T được hưởng.

Theo quy định tại Điều 651 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì những người thừa kế theo pháp luật của ông T2, bà T3 thuộc hàng thừa kế thứ nhất gồm: ông T, bà

M, bà L, ông P1, ông T (bà P, bà X và ông T1 được hưởng) và bà V. Do đó, diện thừa kế thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông T2, bà T3 gồm 6 kỷ phần. Di sản thừa kế của ông T2, bà T3 là 787,3m² đất, trong đó 97,3m² đất ở và 690m² đất trồng cây lâu năm, trị giá thành tiền 4.423.000.000đ và số tiền 292.867.200 đồng được chia thành 6 kỷ phần bằng nhau, mỗi kỷ phần tương ứng với 16,21m² đất ở và 115m² đất vườn, có trị giá thành tiền là: 737.167.000 đồng và 48.811.200 đồng.

Đối với kỷ phần ông T được nhận từ di sản của ông T2, bà T3 là 16,21m² đất ở và 115m² đất vườn, có trị giá thành tiền là: 737.167.000 đồng và 48.811.200 đồng: Do ông T đã chết nên đây được xem là di sản do ông T để lại. Nhưng người thừa kế theo pháp luật của ông T gồm bà P, bà X và ông T1 được hưởng thừa kế lại từ kỷ phần mà ông T được hưởng, mỗi người được hưởng lại 5,4m² đất ở và 38,3m² đất vườn, có trị giá thành tiền là: 245.722.000 đồng và số tiền 16.270.400 đồng. Do bà P, bà X tự nguyện cho phần mình được nhận từ kỷ phần của ông T cho ông Đặng Đức T1 nên Tòa án ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự. Do đó, phần ông T1 được hưởng là toàn bộ kỷ phần mà ông T được hưởng từ di sản của ông T2, bà T3.

Kỷ phần mà các đồng thừa kế được nhận có diện tích tổng cộng 131,2m², đủ điều kiện tách thửa theo quy định tại Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 01/6/2015 của UBND tỉnh Quảng Nam nên được chấp nhận chia hiện vật.

[2.3] Chia hiện trạng về đất thổ cư:

Qua đo đạc thực tế, hiện trạng thửa đất 127, tờ bản đồ số 7 (nay là thửa 102, tờ bản đồ số 7) có diện tích 787,3m², có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường Dũng sĩ Đ N có chiều dài 29,54m
- Phía Đông giáp đường đất 2,4m, có chiều dài 5,71m+9,88m+9,77m
- Phía Tây giáp đường đất 3m, có chiều dài 20,09m+6,89m
- Phía Nam giáp thửa ODT104 và thửa ODT103, có chiều dài: 31,23m

[2.3.1] Qua xem xét hiện trạng thì thửa đất trên có 01 ngôi nhà do ông T xây dựng nằm trên dọc cạnh phía Đông thửa đất nên giao phần đất này cho ông T1 (con trai ông T) sở hữu là phù hợp, có tứ cận:

- Phía Bắc giáp đường Dũng sĩ Đ N có chiều dài 5,26m
- Phía Đông giáp đường đất 2,4m, có chiều dài 5,71m+9,88m+9,77m
- Phía Tây giáp thửa ông T được nhận, có chiều dài 25,65m
- Phía Nam giáp thửa ODT104 có chiều dài: 5,65m

Phần đất này có diện tích 138,8m² gồm 97,3m² đất ở và 41,5m² đất trồng cây lâu năm, có giá trị tổng cộng là 1.180.500.000 đồng. Do đó, ông T1 nhận phần

đất có giá trị cao hơn so với kỹ phần được nhận nên phải có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế nhận phần đất có giá trị thấp hơn kỹ phần được nhận tương ứng với số tiền tổng cộng 394.522.000 đồng.

[2.3.2] Ông Đặng Ái T được nhận diện tích 127,9m² loại đất trồng cây lâu năm, có giá trị 639.500.000đ được chia hiện trạng giáp với thửa đất được giao cho ông T1, có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường Dũng sĩ Đ N có chiều dài 4,85m
- Phía Đông giáp thửa ông T1 được nhận, có chiều dài 25,65m
- Phía Tây giáp thửa ông P1 được nhận, có chiều dài 25,91m
- Phía Nam giáp thửa ODT104 có chiều dài: 5,1m

[2.3.3] Ông Đặng Ái P1 được nhận diện tích 129,2m² loại đất trồng cây lâu năm, có giá trị 646.000.000đ được chia hiện trạng giáp với thửa đất được giao cho ông T, có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường Dũng sĩ Đ N có chiều dài 4,85m
- Phía Đông giáp thửa ông T được nhận, có chiều dài 25,91m
- Phía Tây giáp thửa bà M được nhận, có chiều dài 26,17m
- Phía Nam giáp thửa ODT104 có chiều dài: 5,1m

[2.3.4] Bà Đặng Thị M được nhận diện tích 130,4m² loại đất trồng cây lâu năm, có giá trị 652.000.000đ được chia hiện trạng giáp với thửa đất được giao cho ông P1, có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường Dũng sĩ Đ N có chiều dài 4,85m
- Phía Đông giáp thửa ông P1 được nhận, có chiều dài 26,17m
- Phía Tây giáp thửa bà L được nhận, có chiều dài 26,43m
- Phía Nam giáp thửa ODT104 có chiều dài: 5,1m

[2.3.5] Bà Đặng Thị L được nhận diện tích 131,5m² loại đất trồng cây lâu năm, có giá trị 657.500.000đ được chia hiện trạng giáp với thửa đất được giao cho bà M, có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường Dũng sĩ Đ N có chiều dài 4,85m
- Phía Đông giáp thửa bà M được nhận, có chiều dài 26,43m
- Phía Tây giáp thửa bà V được nhận, có chiều dài 26,69m
- Phía Nam giáp thửa ODT104 và thửa ODT103 có chiều dài: 5,1m

[2.3.6] Bà Đặng Thị V được nhận diện tích 129,5m² loại đất trồng cây lâu năm, có giá trị 647.500.000đ được chia hiện trạng giáp với thửa đất được giao cho bà L, có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường Dũng sĩ Đ N có chiều dài 4,88m
- Phía Đông giáp thửa bà L được nhận, có chiều dài 26,69m
- Phía Tây giáp đường đất 3m, có chiều dài 20,09m+6,89m
- Phía Nam giáp thửa ODT103 có chiều dài: 5,18m

Các đương sự phải có Nghĩa vụ làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất đối với phần đất được chia theo quy định của pháp luật.

Do ông Đặng Đức T1 được nhận phần đất có giá trị cao hơn so với kỷ phần được nhận nên ông T1 có trách nhiệm thanh toán giá trị chênh lệch cho các đồng thừa kế được nhận phần đất có giá trị thấp hơn kỷ phần được nhận.

Đối với số tiền 292.876.200đ được chia đều cho các đồng thừa kế, mỗi đồng thừa kế được hưởng 48.811.200đ. Do số tiền này Trung tâm Phát triển quỹ đất chưa chi cho hộ Đặng T2 nên các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với Trung tâm Phát triển quỹ đất để làm thủ tục nhận tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật.

[2.4] Đối với ông Đặng Ái C cho rằng ông đã nộp tiền thuê sử dụng đất đối với toàn bộ thửa đất số 127, tờ bản đồ số 7 theo Giấy chứng nhận (thửa 102, tờ bản đồ số 7 theo Quyết định 16931). Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông C không yêu cầu Tòa án xem xét nên HĐXX không xem xét, giải quyết.

[2.5] Đối với ông Đặng N và bà Đặng Thị L có làm hoa màu trên phần đất nông nghiệp được cấp cho hộ Đặng T2 (đã bị thu hồi). Ông N, bà L yêu cầu hộ ông T có trách nhiệm trả lại số tiền bồi thường hoa màu cho mình. Tuy nhiên, đây không phải là di sản thừa kế do ông T và bà T3 để lại nên HĐXX không xem xét trong vụ án này. Nếu các đương sự có tranh chấp thì giải quyết bằng một vụ án dân sự khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Ông Đặng Ái T yêu cầu chia di sản và được chia nên phải chịu án phí theo quy định. Do ông T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH.

Ông Đặng Ái P1, ông Đặng Đức T1, bà Đặng Thị M, bà Đặng Thị L và bà Đặng Thị V là người được nhận di sản nên phải chịu án phí tương ứng với giá trị kỷ phần được nhận. Do ông P1, bà M, bà L và bà V là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết 326/2016 của UBTVQH.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 5 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Khoản 1 Điều 228; Khoản 1 Điều 244; Điều 246 Bộ luật Tổ tụng dân sự, Điều 612, 623, 649, 650, 651, 660, 468 Bộ luật Dân sự, Luật phí và lệ phí, điểm d khoản 1 Điều 12, điểm a khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Xử:

[1] Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của ông Đặng Ái T về việc chia di sản thừa kế đối với số tiền 7.234.560đ.

[2] Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Ái T về “Tranh chấp về thừa kế tài sản”

[2.1] Xác định di sản thừa kế của ông Đặng T2 và bà Trương Thị T3 gồm: 787,3m² đất (trong đó có 97,3m² đất ở và 690m² đất trồng cây lâu năm) thuộc thửa đất số 127, tờ bản đồ số 7 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa 102, tờ bản đồ số 7 theo Quyết định số 16931/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của UBND thị xã Điện Bàn) ở khối V, phường Đ N, có giá trị theo định giá là 4.423.000.000đ. (bốn tỷ, bốn trăm hai mươi ba triệu đồng) và số tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng đối với các thửa đất nông nghiệp là 292.867.200 đồng.

[2.2] Ghi nhận sự tự nguyện của bà Võ Thị P và bà Đặng Thị X về việc nhường kỹ phần thừa kế cho ông Đặng Đức T1.

[2.3] Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc chia di sản thừa kế do ông Đặng T2 và bà Trương Thị T3 để lại, cụ thể như sau:

[2.3.1] Ông Đặng Đức T1 được quyền sử dụng đất có diện tích 138,8m² (trong đó: 97,3m² đất ở và 41,5m² đất trồng cây lâu năm) thuộc một phần thửa đất số 127, tờ bản đồ số 7 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa 102, tờ bản đồ số 7 theo Quyết định số 16931/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của UBND thị xã Điện Bàn) ở khối V, phường Đ N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường Dũng sĩ Đ N có chiều dài 5,26m
- Phía Đông giáp đường đất 2,4m, có chiều dài 5,71m+9,88m+9,77m
- Phía Tây giáp thửa ông T được nhận, có chiều dài 25,65m
- Phía Nam giáp thửa ODT104 có chiều dài: 5,65m

(có sơ đồ kèm theo)

Trên diện tích đất giao cho ông Đặng Đức T1 sử dụng có tài sản gồm: 01 ngôi nhà trệt, móng đá, tường xây gạch, mái lợp tôn, nền láng xi măng, ô tô cao 3,6 của ông Đặng Quyết T (hiện nay ông Đặng Đức T1 đang quản lý)

[2.3.2] Ông Đặng Ái T được quyền sử dụng diện tích 127,9m² loại đất trồng

cây lâu năm thuộc một phần thửa đất số 127, tờ bản đồ số 7 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa 102, tờ bản đồ số 7 theo Quyết định số 16931/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của UBND thị xã Điện Bàn) ở khối V, phường Đ N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường Dũng sĩ Đ N có chiều dài 4,85m
- Phía Đông giáp thửa ông T1 được nhận, có chiều dài 25,65m
- Phía Tây giáp thửa ông P1 được nhận, có chiều dài 25,91m
- Phía Nam giáp thửa ODT104 có chiều dài: 5,1m

(có sơ đồ kèm theo)

[2.3.3] Ông Đặng Ái P1 được quyền sử dụng diện tích 129,2m² loại đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa đất số 127, tờ bản đồ số 7 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa 102, tờ bản đồ số 7 theo Quyết định số 16931/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của UBND thị xã Điện Bàn) ở khối V, phường Đ N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường Dũng sĩ Đ N có chiều dài 4,85m
- Phía Đông giáp thửa ông T được nhận, có chiều dài 25,91m
- Phía Tây giáp thửa bà M được nhận, có chiều dài 26,17m
- Phía Nam giáp thửa ODT104 có chiều dài: 5,1m

(có sơ đồ kèm theo)

[2.3.4] Bà Đặng Thị M được quyền sử dụng diện tích 130,4m² loại đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa đất số 127, tờ bản đồ số 7 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa 102, tờ bản đồ số 7 theo Quyết định số 16931/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của UBND thị xã Điện Bàn) ở khối V, phường Đ N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường Dũng sĩ Đ N có chiều dài 4,85m
- Phía Đông giáp thửa ông P1 được nhận, có chiều dài 26,17m
- Phía Tây giáp thửa bà L được nhận, có chiều dài 26,43m
- Phía Nam giáp thửa ODT104 có chiều dài: 5,1m

(có sơ đồ kèm theo)

[2.3.5] Bà Đặng Thị L được quyền sử dụng diện tích 131,5m² loại đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa đất số 127, tờ bản đồ số 7 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa 102, tờ bản đồ số 7 theo Quyết định số 16931/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của UBND thị xã Điện Bàn) ở khối V, phường Đ N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường Dũng sĩ Đ N có chiều dài 4,85m

- Phía Đông giáp thửa bà M được nhận, có chiều dài 26,43
 - Phía Tây giáp thửa bà V được nhận, có chiều dài 26,69m
 - Phía Nam giáp thửa ODT104 và thửa ODT103 có chiều dài: 5,1m
- (có sơ đồ kèm theo)

[2.3.6] Bà Đặng Thị V được quyền sử dụng diện tích 129,5m² loại đất trồng cây lâu năm thuộc một phần thửa đất số 127, tờ bản đồ số 7 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (thửa 102, tờ bản đồ số 7 theo Quyết định số 16931/QĐ-UBND ngày 20/10/2017 của UBND thị xã Điện Bàn) ở khối V, phường Đ N, thị xã Điện Bàn, tỉnh Quảng Nam có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp đường Dũng sĩ Đ N có chiều dài 4,88m
- Phía Đông giáp thửa bà L được nhận, có chiều dài 26,69m
- Phía Tây giáp đường đất 3m, có chiều dài 20,09m+6,89m
- Phía Nam giáp thửa ODT103 có chiều dài: 5,18m

(có sơ đồ kèm theo)

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

[2.3.7] Ông Đặng Ái T, ông Đặng Ái P1, ông Đặng Đức T1, bà Đặng Thị M, bà Đặng Thị L và bà Đặng Thị V mỗi người được chia số tiền 48.811.200đ trong số tiền 292.867.200đ mà Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn chưa chi cho hộ Đặng T2.

Các đương sự có nghĩa vụ liên hệ với Trung tâm Phát triển quỹ đất thị xã Điện Bàn để làm thủ tục nhận tiền bồi thường, hỗ trợ giải phóng mặt bằng theo quy định của pháp luật.

[2.4] Ông Đặng Đức T1 phải có nghĩa vụ thanh toán phần chênh lệch kỹ phần thừa kế của ông Đặng T2 và bà Trương Thị T3 để lại cho ông Đặng Ái T với số tiền 97.667.000đ (chín mươi bảy triệu, sáu trăm, sáu mươi bảy nghìn đồng)

[2.5] Ông Đặng Đức T1 phải có nghĩa vụ thanh toán phần chênh lệch kỹ phần thừa kế của ông Đặng T2 và bà Trương Thị T3 để lại cho ông Đặng Ái P1 với số tiền 91.167.000đ (chín mươi một triệu, một trăm, sáu mươi bảy nghìn đồng)

[2.6] Ông Đặng Đức T1 phải có nghĩa vụ thanh toán phần chênh lệch kỹ phần thừa kế của ông Đặng T2 và bà Trương Thị T3 để lại cho bà Đặng Thị M với số tiền 85.167.000đ (tám mươi lăm triệu, một trăm, sáu mươi bảy nghìn đồng)

[2.7] Ông Đặng Đức T1 phải có nghĩa vụ thanh toán phần chênh lệch kỷ phần thừa kế của ông Đặng T2 và bà Trương Thị T3 để lại cho bà Đặng Thị L với số tiền 79.667.000đ (bảy mươi chín triệu, sáu trăm, sáu mươi bảy nghìn đồng)

[2.8] Ông Đặng Đức T1 phải có nghĩa vụ thanh toán phần chênh lệch kỷ phần thừa kế của ông Đặng T2 và bà Trương Thị T3 để lại cho bà Đặng Thị V với số tiền 89.667.000đ (tám mươi chín triệu, sáu trăm, sáu mươi bảy nghìn đồng)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

[3] Về án phí: Ông Đặng Ái T, ông Đặng Ái P1, bà Đặng Thị M, bà Đặng Thị L và bà Đặng Thị V được miễn án phí.

Ông Đặng Đức T1 phải chịu 35.439.000đ (ba mươi lăm triệu bốn trăm ba mươi chín nghìn đồng) tiền án phí đối với kỷ phần được nhận.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được trích sao bản án gửi đến hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Toà án tỉnh Quảng Nam;
- VKSND thị xã Điện Bàn;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Điện Bàn;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Xuân